

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày: 19-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T (tên gọi khác là T1), sinh năm 1981, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Trà, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Xuân, sinh năm 1957 (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1983, bị cáo có 01 con sinh năm 2002; tiền án:

- Ngày 09/5/2000, Trần Văn T bị Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 24/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Đã nộp án phí hình sự sơ thẩm.

- Ngày 22/8/2001, Trần Văn T tiếp tục phạm tội (tái phạm). Đến ngày 10/6/2003, T bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản, tại Bản án số 97/HSST. Bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù (thể hiện tại Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 1257/GCN ngày 11/9/2005 của Trại giam Tổng Lê Chân). Quá trình xác minh tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương, xác định Cục thi hành án chưa thụ lý thi hành Bản

án số 97/HSST ngày 10/6/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (do chưa nhận Bản án và chưa có đơn yêu cầu thi hành án). Vì vậy, án phí và trách nhiệm dân sự mà bản án đã tuyên, bị cáo T chưa thi hành.

- Tháng 9/2006, Trần Văn T tiếp tục phạm tội (tái phạm nguy hiểm). Đến ngày 11/6/2007, bị Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã B) tỉnh Bình Dương xử phạt 40 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, tại Bản án số 58/2007/HSST. Bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù (thể hiện tại Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 1521/GCN ngày 01/11/2009 của Trại giam Xuân Lộc), đã nộp đủ số tiền án phí hình sự, án phí dân sự mà Bản án đã tuyên.

- Ngày 19/9/2010, Trần Văn T tiếp tục phạm tội (tái phạm nguy hiểm). Đến ngày 17/3/2011, bị Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã B) tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm 02 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Cướp giật tài sản, tại Bản án số 43/2011/HSST. Bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù (thể hiện tại Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 833/GCN ngày 20/11/2017 của Trại giam Tổng Lê Chân), đã nộp đủ án phí hình sự;

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2020 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ Ông Lành Văn D, sinh năm 1999. Hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã Ya Tờ Mốt, huyện Easúp, tỉnh Đắk Lắk. Xin vắng mặt.

+ Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1997. Hộ khẩu thường trú: Thôn Thanh Xuân, xã Eakênh, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Xin vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Huỳnh Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T và Huỳnh Văn Q cùng trú tại xã P, huyện B, tỉnh Bình Dương nên quen biết và chơi với nhau.

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 23/3/2020, Trần Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Super Cup 50, không rõ biển số chở Huỳnh Văn Q đi từ xã P, thị xã B đến ấp B2, xã T3, huyện D1 tìm tài sản để trộm cắp.

Khi đến dãy nhà trọ “*Thuận Khánh*”, thuộc khu vực ấp B2, xã T3, huyện D1, T và Q phát hiện phòng trọ VIP 50, dãy thứ năm của Ngô Văn T1 và Lành Văn D không khóa cửa. T dừng xe cách phòng trọ khoảng 20m, đứng bên ngoài cánh giới, Q lén lút đi vào bên trong phòng trọ tìm tài sản để trộm cắp. Lúc này, trong phòng trọ, Lành Văn D và người bạn tên Lưu Văn C đang ngủ trên giường, T1 ngủ trên gác xép. Khi vào trong phòng trọ, Q lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 8 lite của D để ở cuối giường, đồng thời đẩy chiếc xe mô tô

nhãn hiệu Exciter, màu sơn xanh – đen, biển số 47M1-771.50, trên ổ khóa cắm sẵn chìa khóa của T1 ra ngoài. Q đưa tài sản vừa trộm được (*điện thoại và xe máy*) cho T. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter vừa trộm được, Q điều khiển xe ô Super Cup 50 đi về nhà T. T về nhà trước nên cất xe và điện thoại trong nhà rồi khóa cửa đi ngủ, Q điều khiển xe mô tô Super Cup 50 nên đi chậm hơn, khi về tới nhà T, Q thấy nhà T đóng cửa, nên Q để xe Super Cup 50 lại trước nhà T rồi đi bộ về nhà Q.

Khoảng 06 giờ ngày 23/3/2020, T điện thoại cho đối tượng tên T2 (*không rõ nhân thân lai lịch*) để bán xe mô tô trộm cắp. T2 đồng ý, đến khoảng 10 giờ cùng ngày T2 chở theo một thanh niên không rõ nhân thân lai lịch đến nhà T mua xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 47M1-771.50 với giá 14.000.000 đồng. T chia cho Q 7.000.000 đồng, còn lại giữ tiêu xài cá nhân. Đối với điện thoại di động hiệu Xiaomi 8 lite, do điện thoại khóa màn hình bằng mật khẩu, T không mở được nên đã vứt bỏ. Do T không nhớ đã vứt ở đâu nên không thu hồi được.

Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 27/3/2020 của Hội đồng Định giá tài sản huyện D1 xác định:

+ Xe mô tô biển số 47M1-671.50 (*xe đã qua sử dụng*) giá vào ngày 23/3/2020 là 29.000.000 đồng.

+ Điện thoại di động Xiaomi 8 Lite màu đen (*đã qua sử dụng*) mua tháng 01/2019 giá vào ngày 23/3/2020 là 1.800.000 đồng.

Tổng tài sản mà Trần Văn T và Huỳnh Văn Q trộm cắp của ông Ngô Văn T1 và Lành Văn D giá là 30.800.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khám xét nơi ở của Trần Văn T tại ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương, phát hiện và thu giữ tại nơi ở của T 03 biển số xe mô tô gồm biển số 47M1-771.50 là biển số xe mô tô bị trộm cắp của bị hại Ngô Văn T1; biển số 61N6.7766 và biển số 93P2.41726 và 06 ba ga các loại của xe mô tô. Khám xét nơi ở của Huỳnh Văn Q, ở ấp B1, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương, thu giữ 01 áo khoác bằng vải màu tím hiệu ADIDAS. Huỳnh Văn Q giao nộp 01 quần jeans lửng màu xanh; 01 đôi dép lười màu vàng; 01 áo thun ngắn tay màu trắng.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Huỳnh Văn Q đã bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử ngày 19/8/2020, tại Bản án số 48/2020/HS-ST.

Sau khi xảy ra vụ án, Trần Văn T đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Sau khi có Quyết định khởi tố bị can, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với T nhưng T đã bỏ trốn nên đã ra Quyết định truy nã và Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với Trần Văn T. Đến ngày 07/12/2020, đã bắt được bị cáo Trần Văn T.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSĐT-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 36 tháng đến 40 tháng tù;

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với các vật chứng thu giữ đã được Tòa án xử lý tại Bản án số 48/2020/HS-ST ngày 19/8/2020, nên không đề cập xử lý. Riêng đối với 06 ba ga các loại của xe mô tô tạm giữ khi khám xét nhà Trần Văn T. Xét thấy đây là đồ vật hợp pháp của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho T.

Về phân trách nhiệm dân sự, đã được tuyên trong Bản án số 48/2020/HS-ST ngày 19/8/2020, nên không đề cập giải quyết.

Đối với người tên T2 và người thanh niên đi cùng T2 mà T gọi điện đề đến mua xe mô tô biển số 47M1-671.50, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ hành vi mua xe mô tô nói trên. Nếu có dấu hiệu phạm tội sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Super Cup 50, không rõ biển số, bị cáo T và Q sử dụng làm phương tiện phạm tội, bị cáo T đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch, xe không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều khoản truy tố mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra. Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Huỳnh Văn Q và Trần Văn T cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Ngô Văn T1 và Lành Văn D. Ngày 19/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã xét xử đối với Huỳnh Văn Q về hành vi trên theo bản án số 48/2020/HS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nên Hội

đồng xét xử xác định Huỳnh Văn Q là người làm chứng trong vụ án này đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T.

[3] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Ngô Văn T1, Lành Văn D và người làm chứng Huỳnh Văn Q. Xét thấy, ông T1, ông D và Q đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, sự vắng mặt của ông T1 và ông D và Q không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1, ông D và Q theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Lời khai của bị cáo Trần Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các lời khai thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ kết luận: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 23/3/2020, tại phòng trọ VIP 50, dãy thứ năm thuộc nhà trọ “Thuận Khánh”, ở khu vực ấp B2, xã T3, huyện D1, Trần Văn T và Huỳnh Văn Q đã trộm cắp một xe mô tô của Ngô Văn T1 và một điện thoại di động của Lành Văn D.

[5] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc trông coi tài sản, lén lút trộm cắp tài sản của bị hại mục đích là để bán lấy tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo. Hậu quả bị cáo đã cùng Huỳnh Văn Q trộm cắp của bị hại một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exiter, màu xanh – đen, biển số 47M1-671.50, số máy G3D4E861142, số khung 1010KY094712 của Ngô Văn T1 trị giá 29.000.000 đồng và một điện thoại di động Xiaomi 8 Lite màu đen của Lành Văn D trị giá 1.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 30.800.000 đồng. Bị cáo có nhiều tiền án chưa được xóa án tích, đã từng bị Tòa án xét xử áp dụng tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 25/CT-VKSĐT-HS ngày 25/3/2021 cũng như phần luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó, cả bị cáo và Huỳnh Văn Q đều có vai trò thực hành tích cực, cùng tham gia trộm cắp tài sản, bị cáo mang tài sản đi tiêu thụ.

[7] Tại phiên tòa, bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cân nhắc giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 04 tiền án chưa được xoá án tích nhưng lại phạm tội mới, tuy nhiên, bị cáo đã bị áp dụng tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét đây là nhân thân của bị cáo.

[9] Sau khi xem xét đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, thấy rằng, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử nhiều lần về tội phạm xâm phạm quyền sở hữu nhưng bị cáo vẫn tiếp tục tái phạm nên cần thiết phải xử phạt hình phạt tù với mức án nghiêm khắc mới đủ sức răn đe đối với bị cáo, đồng thời, phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Đã xem xét bản án số 48/2020/HS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp Huỳnh Văn Q có yêu cầu về trách nhiệm bồi thường đối với bị cáo Trần Văn T thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[11] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với 06 ba ga các loại của xe mô tô tạm giữ khi khám xét nhà Trần Văn T. Xét thấy, 06 ba ga này không liên quan đến vụ án và là tài sản của Trần Văn T nên trả lại cho T.

[12] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T (tên gọi khác là T1) phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn T (tên gọi khác là T1) 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho Trần Văn T 06 (sáu) ba ga các loại của xe mô tô.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng).

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn T phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/5/2021).

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Tuyền